

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG; DỰ THẢO ĐƠN GIÁ TÍNH THỦ**

I. Ý kiến của các Bộ ngành

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	Bộ Nội vụ (Công văn số 6472/BNV-PC ngày 07/11/2023)	1. Đề nghị rà soát, quy định các định mức kinh tế - kỹ thuật về tiền lương, tiền công tại dự thảo Thông tư đảm bảo đúng với quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với chỉ đạo của Trung ương tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Đề nghị quy định cụ thể loại lao động trong các bảng liên quan đến phần Định biên tại dự thảo Thông tư, được áp dụng cho đối tượng hưởng lương ở bảng lương nào cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP, Nghị định số 117/2016/NĐ-CP (khoản 3 Phần I Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật), bảo đảm dễ hiểu và thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện. 2. Tại phần Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật (khoản 3 Phần I), đề nghị rà soát, bổ sung Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường (văn bản liên quan đến quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường); đồng thời rà soát các văn bản liên tịch ban hành bảo đảm	Dự thảo Định mức kinh tế - kỹ thuật (ĐMKT-KT) đã rà soát, xây dựng định mức lao động theo các quy định liên quan của pháp luật hiện hành. Loại Mức lương áp dụng cho loại lao động liên quan đến phần Định mức lao động kỹ thuật, Định biên tại dự thảo Thông tư đã được quy định và nêu cụ thể trong phần Thuyết minh bộ đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực lĩnh vực môi trường kèm đơn giá tính thủ. Tiếp thu chỉnh sửa.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		không đưa văn bản hết hiệu lực (hoặc hết hiệu lực một phần) làm cơ sở ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.	
		3. Tại khoản 3 Mục II Thuyết minh bộ đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo dự thảo Thông tư, đề nghị rà soát, thay “Thông tư số 04/2019/TT-BNV ngày 24/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước” bằng “Thông tư số 10/2023/TT-BNV ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội” làm căn cứ để tính chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp lương, vì Thông tư số 04/2019/TT-BNV đã hết hiệu lực từ ngày 01/7/2023.	Tiếp thu, chỉnh sửa cập nhật văn bản theo ý kiến góp ý.
2	Bộ Công Thương (Công văn số 7816/BCT-ATMT ngày 07/11/2023)	1. Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, bổ sung ĐMKT-KT các thông số được quy định trong các QCVN về chất lượng môi trường xung quanh được ban hành theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT và dự thảo các QCVN về môi trường dự kiến ban hành để đảm bảo tính đầy đủ.	Trong quá trình thực hiện xây dựng dự thảo Thông tư ban hành ĐMKT-KT này, Ban soạn thảo đã rà soát, cập nhật cơ bản các thông số được quy định trong các QCVN về chất lượng môi trường được BTNMT ban hành năm 2023; một số thông số chưa đủ căn cứ pháp lý, có lộ trình áp dụng sau hoặc chưa phù hợp về điều kiện kỹ thuật ở thời điểm hiện tại (phương pháp quan trắc, phương pháp phân tích...) thì hiện tại chưa đưa vào xây dựng, sẽ được tiếp tục rà soát, xây dựng ĐMKT-KT ở các giai đoạn tiếp theo.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		2. Đề nghị rà soát, thống nhất các phương pháp phân tích được làm căn cứ để xây dựng ĐMKT-KT và các phương pháp phân tích được quy định tại các QCVN tương ứng để thuận tiện khi áp dụng trong thực tiễn (Ví dụ: Tại QCVN 09:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất quy định phương pháp phân tích thông số phenol là phương pháp phân tích sắc ký (GC), nhưng trong dự thảo Thông tư lại sử dụng phương pháp Quang phổ hấp thụ phân tử (UV-VIS) làm căn cứ tính định mức).	- Tiếp thu rà soát, cập nhật các phương pháp phân tích quy định mới (nếu còn sót chưa cập nhật); Đối với thông số Phenol trong nền nước dưới đất: Dự thảo Thông tư này đã xây dựng ĐMKT-KT cho thông số Tổng Phenol theo phương pháp UV-VIS và thông số Phenol theo phương pháp phân tích là US EPA Method 8270E sử dụng kỹ thuật sắc ký khí khối phổ (mục 4.1.1.2, Phần II.4)
3	Bộ Giao thông Vận tải (Công văn số 12524/BGTVT-KHCN&MT ngày 06/11/2023)	1. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn đã hết hiệu lực thi hành như Thông tư số 18/2014/TT- BTNMT, Thông tư số 45/2018/TT-BTC, tiêu chuẩn về tiếng ồn, môi trường đất... và chỉnh sửa các nội dung có liên quan được trích dẫn từ các văn bản, tiêu chuẩn nêu trên. * Chi tiết các nội dung góp ý trong Phụ lục: Một số văn bản quy phạm pháp luật và tiêu chuẩn đã hết hiệu lực thi hành: Thông tư số 45/2018/TT-BTC đã được thay thế bằng Thông tư số 23/2023/TT-BTC. Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022; TCVN 7878-1:2008 và TCVN 7878-2:2010 đã hết hiệu lực và được thay thế bằng TCVN 7878-1:2018, TCVN 7878-2:2018 tại Quyết định số 4197/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ (trong đó hoạt động quan trắc hiện trường tiếng ồn được quy định tại Phần II.1 trang 12).	- Tiếp thu rà soát, chỉnh sửa.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		TCVN 5254:1990 đã hết hiệu lực được thay thế bằng TCVN 8246:2009 tại Quyết định số 2991/QĐ-BKH-CN ngày 24/12/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ (trong đó hoạt động phân tích thí nghiệm môi trường đất được quy định tại Phần II.3 trang 129).	
		2. Đối chiếu dự thảo Thông tư với các Thông tư có liên quan như Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường, Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam ... để bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường cho đầy đủ, phù hợp. * Chi tiết các nội dung góp ý trong Phụ lục: Tại Phụ lục 01 Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam, các thông số trong mẫu chất nạo vét cần lấy mẫu để phân tích bao gồm Tributyltin, tổng hoạt độ phóng xạ alpha và beta. Trong Thông tư này cũng quy định việc sử dụng mô hình để đánh giá, dự báo các ảnh hưởng, tác động của hoạt động nhận chìm chất nạo vét tuy nhiên trong dự thảo Thông tư gửi lấy ý kiến chưa có định mức, đơn giá cho các thông số Tributyltin, tổng hoạt độ phóng xạ alpha và beta trong mẫu trầm tích cũng như định mức cho việc lập mô hình mô phỏng quá trình phát tán, lan truyền, biến đổi, chuyển hóa chất gây ô nhiễm, đề nghị bổ sung.	Phạm vi dự thảo Thông tư này là ban hành ĐMKT-KT cho hoạt động quan trắc môi trường; các thông số trong các thành phần môi trường đã được xây dựng ĐMKT-KT căn cứ theo các văn bản quy pháp pháp luật về quy định kỹ thuật, các QCVN hiện hành cũng như các dự thảo QCVN về chất lượng môi trường, phát thải môi trường đang được trình Bộ TNMT ban hành. Đối với hoạt động lấy mẫu, phân tích các thông số Tributyltin, tổng hoạt độ phóng xạ alpha và beta... trong chất nạo vét; hoạt động lập mô hình phỏng quá trình phát tán, lan truyền, biến đổi, chuyển hóa chất gây ô nhiễm hiện chưa được quy định cụ thể trong Thông tư số 10/2021/TTBTNMT – Thông tư quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường, QCVN liên quan nên chưa đủ căn cứ kỹ thuật để xây dựng ĐMKT-KT trong giai đoạn này; Ban soạn thảo ghi nhận ý kiến góp ý để báo cáo Bộ TNMT xem xét, đưa vào chương trình xây dựng ĐMKT-KT giai đoạn tiếp theo.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		3. Đề nghị bổ sung định mức hoặc phương pháp tính cho công việc đi lại, vận chuyển con người, thiết bị trên các địa bàn quan trắc; di chuyển từ điểm quan trắc tới điểm quan trắc kế tiếp và trở về sau khi kết thúc công việc; vận chuyển mẫu quan trắc từ địa bàn quan trắc về đơn vị quan trắc; lấy mẫu, phân tích mẫu kiểm soát chất lượng; kiểm định và hiệu chuẩn thiết bị.	Dự thảo Thông tư ban hành ĐMKT-KT đã có xây dựng, nêu rõ phạm vi điều chỉnh và quy định về nội dung này tại Phần I dự thảo ĐMKT-KT, Mục 6. Quy định khác như sau: “Định mức này chỉ quy định cho hoạt động trực tiếp quan trắc môi trường. Các hoạt động lập nhiệm vụ, quản lý chung, kiểm tra nghiệm thu, các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ sẽ được xác định trong quá trình lập nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành”.
		* Chi tiết các nội dung góp ý trong Phụ lục: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung, làm rõ một số nội dung sau đây: - Căn cứ sử dụng hệ số 1,2 cho định mức lao động ngoại nghiệp đối với các nội dung công việc ngoại nghiệp quan trắc môi trường và căn cứ xác định thời gian nghỉ hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một năm. - Thuyết minh, làm rõ những thay đổi về nội dung trong dự thảo Thông tư so với nội dung tương ứng trong Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường. - Các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn có liên quan đến hoạt động quan trắc môi trường. - Đề nghị rà soát loại khẩu trang được sử dụng cho các hoạt động phân tích trong phòng thí nghiệm đối với các thông số hơi axit (như HCl, HNO₃, H₂SO₄, ...) và kim loại nặng để đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ thực hiện công tác phân tích các thông số môi trường tại phòng thí nghiệm.	- Dự thảo Thông tư xây dựng Định mức lao động kỹ thuật hoạt động ngoại nghiệp sử dụng hệ số 1,2 đối với các nội dung công việc ngoại nghiệp quan trắc môi trường trên cơ sở vận dụng các quy định liên quan của Bộ Tài Chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và kế thừa quy định này tại Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT. Tuy nhiên, hiện tại Bộ Tài Chính, một vài đơn vị liên quan chưa có hướng dẫn cụ thể, thống nhất về nội dung này, do vậy Ban soạn thảo đã thực hiện rà soát, sửa đổi bổ không sử dụng hệ số 1,2 định mức lao động ngoại nghiệp đối với các nội dung công việc ngoại nghiệp quan trắc môi trường.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
			- Định mức lao động kỹ thuật trong dự thảo Thông tư nói chung, mục căn cứ xác định thời gian nghỉ hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một năm nói riêng được xây dựng căn cứ theo các quy định hiện hành liên quan của Chính Phủ, Bộ Tài Chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường; cụ thể theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường ... - Tiếp thu chỉnh sửa, cập nhật các văn bản quy định có liên quan trong phần Thuyết minh và phần nội dung ĐMK-TKT; rà soát xây dựng ĐMK-TKT vật liệu phù hợp.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
4	Bộ Tài Chính (Công văn số 12784/BTC-HCSN ngày 21/11/2023)	I. Ý kiến chung 1. Bộ TN&MT dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/08/2017 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường. Theo đó, đề nghị Bộ TN&MT trên cơ sở tổng kết Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT, xác định những bất cập, tồn tại của Thông tư này để xây dựng dự thảo Thông tư quy định về định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường phù hợp thực tiễn và quy định hiện hành. Ngoài ra, đề nghị thuyết minh cụ thể cơ sở ban hành Thông tư, đảm bảo phù hợp quy định Điều 24 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Trong quá trình thực hiện xây dựng dự thảo Thông tư ban hành ĐMKT-KT này, trên cơ sở tiếp tục rà soát, hoàn thiện sản phẩm của nhiệm vụ “Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện bộ định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường giai đoạn 2022-2025”; tình hình áp dụng Thông tư 20/2017/TT-BTNM, những bất cập, tồn tại nếu có trong thời gian qua đã được đánh giá, xác định tại Thuyết minh xây dựng nhiệm vụ. Các căn cứ xây dựng, ban hành Thông tư ĐMKT-KT đã được rà soát, đưa vào phần thuyết minh dự thảo Thông tư.
	Bộ Tài Chính (Công văn số 12784/BTC-HCSN ngày 21/11/2023)	2. Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường là nội dung chuyên môn sâu thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ TNMT và do Bộ TNMT ban hành, theo đó, đề nghị Bộ TNMT trên cơ sở pháp luật hiện hành, ý kiến của các địa phương và các bộ ngành có liên quan để ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền, phù hợp với quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung đã ban hành.	Thông nhất, tiếp thu ý kiến.
		3. Ngoài ra, đề nghị tính toán, đánh giá tác động của việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tại dự thảo Thông tư đến các đối tượng tác động và ngân sách nhà nước (NSNN); đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật tại dự thảo Thông tư với hao phí thực tế thực hiện thời gian qua, bảo đảm định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng phù hợp với thực tế thực hiện từng nhiệm vụ. Đồng thời, đề nghị rà soát phương án tính thử khi áp dụng định mức quy định tại Thông tư với các nhiệm vụ cụ thể đã được thanh, quyết toán, đảm bảo quy	Tiếp thu ý kiến; đã thực hiện rà soát, đánh giá. Chi tiết nội dung đánh giá trình bày trong Phụ lục kèm theo.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		định ban hành có tính khả thi, phù hợp với khả năng cân đối của NSNN, trên nguyên tắc đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả NSNN. II. Về thẩm quyền ban hành và việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật - Tại khoản 7 Điều 34 Luật Tổ chức Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ: “<i>Quyết định chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và các định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền</i>”. - Tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành trung ương: “<i>b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền: - Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí nếu có áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; - Đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích của bộ, cơ quan trung ương theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan; - Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc bộ, cơ quan trung ương</i>”. - Tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “<i>Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí nếu có áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công, tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng</i>	- Tiếp thu ý kiến; đã rà soát chỉnh sửa nội dung liên quan tại dự thảo Thông tư và định mức kinh tế - kỹ thuật kèm theo dự thảo Thông tư.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		<i>sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của địa phương”.</i> - Căn cứ quy định nêu trên, việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công đã được phân cấp cho bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, đề nghị Bộ TNMT xem xét, rà soát đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật tại Điều 3 dự thảo Thông tư và khoản 2 phần I định mức kinh tế - kỹ thuật kèm dự thảo Thông tư đảm bảo theo đúng quy định.	
5	Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 4298/BKHCN-XNT ngày 21/11/2023)	- Đề nghị Bộ TNMT bổ sung Tờ trình xây dựng Thông tư theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó nêu rõ sự cần thiết, căn cứ, quá trình xây dựng Thông tư,...	Tiếp thu ý kiến; Tờ trình xây dựng Thông tư sẽ được xây dựng và trình Bộ TNMT xem xét kèm Dự thảo Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường.
		- Đề nghị bổ sung làm rõ quy trình thực hiện các hoạt động (như trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện một hoạt động/dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước) để làm căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.	- Các căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và các quy định căn bản khác liên quan đến định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm quy trình thực hiện các hoạt động đã được trình bày cụ thể hoặc viện dẫn tại Phần I. Quy định chung của dự thảo Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường kèm theo dự thảo Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.
		- Đối với định mức vật liệu và năng lượng: cần bổ sung nêu rõ đơn vị tính định mức kinh tế - kỹ thuật của vật liệu và năng lượng tại các bảng định mức để thống nhất triển khai. Đồng thời, đề nghị làm rõ cách tính mức hao phí.	Dự thảo Định mức kinh tế - kỹ thuật đã có trình bày cụ thể cột đơn vị tính đối với từng loại vật liệu và năng lượng tại các bảng Định mức vật liệu, Định mức năng lượng; cách tính mức hao phí đã được trình bày tại Phần I. Quy định

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
			chung của dự thảo Định mức kinh tế - kỹ thuật kèm theo dự thảo Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường.
6	Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Công văn số 7185/MTTW-BTT ngày 14/11/2023)	Nhất trí với căn cứ pháp lý bố cục và nội dung dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; dự thảo Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường	

II. Ý kiến của các Tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	Cục Biến đổi Khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường	1. Phúc đáp Công văn số 3550/TCMT-QLCL ngày 10/10/2022 của Tổng cục Môi trường về việc tham gia ý kiến dự thảo “Thông tư Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường giai đoạn 2022-2025”, Cục Biến đổi khí hậu đã rà soát và cơ bản thống nhất với các nội dung liên quan tại dự thảo Thông tư nêu trên.	
2	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Sở Tài nguyên và Môi trường Viện	- Đối với hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh định kỳ, tại mục B. Hoạt động quan trắc tiếng ồn: Cân nhắc bổ sung quan trắc tiếng ồn trung bình 8 giờ và trung bình 24 giờ; - Tại phần Quan trắc không khí tại hiện trường các mục 1KK5 b không cần cột tách mao quản khi quan trắc tại hiện trường;	QTHT: Đã tiếp thu ý kiến và rà soát tại bộ sản phẩm ĐMKT-KT. Đã tiếp thu ý kiến và rà soát, bổ sung tại bộ sản phẩm ĐMKT-KT.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	- Phần tổng hợp các phương pháp sử dụng cho hoạt động quan trắc môi trường nước mặt lục địa, nước mưa, nước dưới đất... cần cập nhật các phiên bản mới nhất như: SMEWW: 2017; Bổ sung thêm các phương pháp có phạm vi đo, độ nhạy tương đương với các phương pháp đã nêu; Bỏ các phương pháp đã hết hiệu lực. - Phần II.14. Hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường không khí tự động liên tục (trạm cố định): Cần nhắc bổ sung công cụ quan trắc độ ẩm, gió, bức xạ và áp suất theo tiêu chuẩn của ngành Khí tượng Thủy văn; - Phần II.15. Hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường Nước mặt tự động liên tục mục 15.2.3 Định mức vật liệu cần bổ sung dung dịch chuẩn pH=7.	Riêng công cụ quan trắc độ ẩm, gió, bức xạ và áp suất của Trạm quan trắc thuộc dạng vi khí hậu nên không thể bổ sung theo tiêu chuẩn của ngành KTTV. + Đối với Kiến nghị Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật về vận hành hệ thống thông tin quan trắc theo Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT không thực hiện do không thuộc văn bản QPPL của ngành Môi trường.
3	Tổng cục Quản lý Đất đai, Công văn số 2796/TCQLĐĐ-CQHĐĐ ngày 02/11/2022	1. Cơ bản nhất trí với bản Dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến các hoạt động quan trắc môi trường nói chung, trong đó có hoạt động quan trắc môi trường đất. Tuy nhiên, thực hiện nhiệm vụ của Bộ giao, Tổng cục Quản lý Đất đai đã chủ trì xây dựng dự thảo Thông tư ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật quan trắc tài nguyên đất. Dự thảo này đã qua các bước lấy ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện; các vụ chức năng của Bộ: Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Khoa học - Công nghệ đã thẩm định. Hiện Dự thảo đã trình Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền. Trong dự thảo Thông tư ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật quan trắc tài nguyên đất có nhiều chỉ tiêu (thông số) quan trắc về chất lượng đất, ô nhiễm đất tương đồng với chỉ tiêu quan trắc môi trường đất trong dự thảo Thông tư ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường. Vì vậy, để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong các văn bản của Bộ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên	Đã tiếp thu ý kiến và rà soát, bổ sung tại bộ sản phẩm ĐMKT-KT.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		cứu, rà soát, hoàn thiện các nội dung của dự thảo Thông tư có liên quan đến lĩnh vực đất đai. 2. Một số ý kiến cụ thể liên quan đến hoạt động quan trắc môi trường đất trong Tài liệu gửi kèm như sau: 2.1. Đối với hoạt động lấy mẫu đất ngoài hiện trường: - Tại Bảng “Định mức nhân công” trang Lđ(Đ)3: đề nghị sửa thống nhất là “Định mức lao động”; bổ sung đơn vị tính vào cột “Định mức” (ví dụ: công/thông số); các thông số quan trắc trong bảng như: SO_4^{2-}, HCO_3^-, Mg^{2+}, K^+, Na^+,... cần chuẩn xác lại. - Tại Bảng “Định mức công cụ, dụng cụ” trang 5-D.cụ: đề nghị sửa thống nhất là “Định mức dụng cụ lao động”; bổ sung đơn vị tính vào cột “Thời hạn” (ví dụ: Tháng) và cột “Định mức” (ví dụ: ca/thông số); các thông số quan trắc trong bảng như: SO_4^{2-}, HCO_3^-, Mg^{2+}, K^+, Na^+,... cần được chuẩn xác lại ký hiệu. - Tại Bảng “Định mức vật liệu” trang 8-Đ(v.liệu): đề nghị sửa thống nhất là “Định mức tiêu hao vật liệu”; các thông số quan trắc trong bảng như: SO_4^{2-}, HCO_3^-, Mg^{2+}, K^+, Na^+,... cần được chuẩn xác lại ký hiệu. - Tại Bảng “Định mức thiết bị” trang 10-Đ(T.bị): đề nghị sửa thống nhất là “Định mức sử dụng máy móc, thiết bị”; đổi tên cột “Ca” thành cột “Định mức”. 2.2. Đối với hoạt động phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm: - Tại Bảng mục 3.2.1 “Tổng hợp các phương pháp sử dụng cho hoạt động quan trắc môi trường đất” trang 1 - Đ: cột STT đề nghị rà soát đánh số theo thứ tự từ 1 đến hết (trong bảng không có số 29). - Tại Bảng mục 3.2.2 “Định mức lao động” trang Lđ(Đ)-1: đề nghị bổ sung đơn vị tính vào cột “Định mức” (ví dụ: công/thông số); các thông	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		số quan trắc trong bảng như: SO_4^{2-}, HCO_3^-, Mg^{2+}, K^+, Na^+,... đề nghị rà soát viết chính xác lại. - Tại Bảng mục 2.3.3 “Định mức dụng cụ lao động” trang 1 - D.cụ: bổ sung đơn vị tính vào cột “Thời hạn” (ví dụ: Tháng) và cột “Định mức” (ví dụ: ca/thông số); rà soát đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất về danh mục dụng cụ lao động giữa các thông số phân tích (ví dụ: đa số các các thông số có găng tay y tế, khẩu trang y tế nhưng một số thông số khác như HCO_3^-, Cl^-, K_2O, $\text{P}\%$,... lại không có; đa số các thông số có quạt trần nhưng một số thông số nhưng N lại không có); rà soát thời hạn của một số dụng cụ lao động trong dự thảo để đảm bảo chuẩn xác theo quy định và thống nhất trong tài liệu (ví dụ: máy hút bụi, trong dự thảo đề 1 tháng, lẽ ra phải là 60 tháng; chai đựng hóa chất một số các thông số ghi thời hạn sử dụng là 6 tháng như N, P, Pb, Cd, Hg, As, Fe, hóa chất BVTV,... nhưng một số thông số lại ghi là 12 tháng; tương tự như vậy rà soát đối với các dụng cụ như: Micropipet 10 ml, 5 ml, bình định mức 50 ml, 100 ml, 250 ml, cốc thủy tinh, tủ, bàn, ghế,...); rà soát thống nhất đơn vị tính, thời hạn của một số dụng cụ (ví dụ như cột “Đơn vị tính” của găng tay y tế, khẩu trang y tế có thông số thì ghi “Hộp”, có thông số lại ghi “Đôi”; thời hạn có thông số ghi là 1, có thông số lại ghi 0,3). Đồng thời rà soát chữ viết hoa, viết thường của đơn vị tính để đảm bảo sự thống nhất trong toàn tài liệu. - Tại Bảng mục 3.2.4 “Định mức tiêu hao vật liệu” trang 1-Đ(v.liệu): đề nghị bổ sung vào cột “Định mức” cụm từ “tính cho 01 thông số”; rà soát, chuẩn xác lại ký hiệu của các vật liệu (hóa chất) tiêu hao cho việc phân tích các thông số (ví dụ: $\text{CuSO}_4.5\text{H}_2\text{O}$, TiO_2, H_3PO_4, Na_2SO_4, $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$, $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2.6\text{H}_2\text{O}$,...); rà soát giữa vật trong bảng với bảng dụng cụ lao động, nếu để ở bảng vật liệu thì bảng dụng	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		cụ phải loại bỏ, tránh trùng lặp (ví dụ khẩu trang y tế, găng tay y tế); rà soát thống nhất chữ viết hoa, viết thường đơn vị tính trong toàn tài liệu. - Tại Bảng mục 3.2.5 “Định mức sử dụng máy móc, thiết bị” trang 1-Đ(T.bị): đề nghị bổ sung đơn vị tính vào cột “Thời hạn” (ví dụ: Tháng); rà soát, bổ sung công suất của một số thiết bị như: Tủ bảo quản mẫu, Tủ lưu hóa chất, Bể ổn định nhiệt, Bể siêu âm đối với thiết bị phân tích các thông số K⁺, hóa chất BVTV nhóm clo hữu cơ, nhóm Pyrethroid; máy cô nito, máy rung Vortex đối với phân tích các thông số Dioxin, dl-PCB, Decabromodiphenyl ete,...; rà soát, bổ sung thời hạn của các thiết bị sử dụng để phân tích các thông số như: tổng các bon hữu cơ, Ca²⁺, K⁺, Fe³⁺, Mn²⁺,...; rà soát chỉnh sửa lại việc đánh số thứ tự và tên mã hiệu của các thông số phân tích (ví dụ: thiếu số 7 trong cột STT; có 02 thông số phân tích cùng mã hiệu 2Đ11; 04 thông số phân tích cùng mã hiệu 2Đ13). - Tại Bảng mục 3.2.6 “Định mức tiêu hao năng lượng”: đề nghị rà soát, sửa lại mục A2 “Công tác phân tích các thông số môi trường không khí trong phòng thí nghiệm (2Đ)” thành “Công tác phân tích các thông số môi trường đất trong phòng thí nghiệm”.	

III. Ý kiến của các Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	An Giang, cv 3433/STNMT-MT ngày 24/10/2022	1. Nhận xét chung - Đề nghị rà soát cách trình bày nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật để phân biệt cụ thể giữa công tác quan trắc môi trường tại hiện trường và công tác phân tích môi trường trong phòng thí nghiệm; thống nhất cách trình bày, quy định đối với	+ Đối với nhận xét chung: Đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa bộ sản phẩm ĐMKTKT + Đối với nhận xét chi tiết

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		các hoạt động quan trắc bao gồm nội dung công việc gì (nội nghiệp, ngoại nghiệp), thành phần công việc, phương pháp quan trắc cụ thể nào. - Đề nghị rà soát, chỉnh sửa lỗi đánh máy, định dạng các thông số quan trắc theo đúng quy định. 2. Nhận xét chi tiết 2.1. Đối với không khí xung quanh - Đề nghị rà soát lại nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật cho phù hợp với tiêu đề do nội dung đề cập đến hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh và nước mặt lục địa. 2.2. Đối với nước mặt lục địa, nước thải, khí thải - Đề nghị rà soát, xác định các nội dung bị gạch ngang trong nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật được áp dụng hay bỏ. Ví dụ: Đối với nước mặt lục địa tại trang 17 - KKNM (vật liệu): Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD;) đã gạch ngang “Hóa chất bảo quản mẫu” với định mức “1.000 ml”; Amoni (NH_4^+) đã gạch ngang “Hóa chất bảo quản mẫu” với định mức “1;000-ml”. 2.3. Đối với nước mưa - Tại Phụ lục 5.2.1 Tổng hợp các phương pháp sử dụng cho hoạt động phân tích môi trường nước mưa, đề nghị làm rõ, giải thích từ ngữ ghi chú “Cập nhật phiên bản” và “Bổ sung”. 2.4. Đối với bùn thải - Đề nghị làm rõ, giải thích từ ngữ “Dự thảo Thông tư mới” tại nội dung của bảng trước bảng Định mức lao động. 2.5. Đối với khí thải phương tiện giao thông đường bộ - Đề nghị rà soát, làm rõ định mức tại bảng chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí thiết bị do bị lỗi đánh máy. Ví dụ: Ống chụp	- Phần Quan trắc hiện trường: Đã tiếp thu ý kiến và rà soát, cập nhật lại bộ sản phẩm ĐMKT-KT đối với thành phần không khí xung quanh, bùn thải và khí thải phương tiện giao thông đường bộ. + Phần phân tích trong phòng thí nghiệm: Đã tiếp thu ý kiến và rà soát, cập nhật lại bộ sản phẩm ĐMKT-KT.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		bộ chuyên dụng cho ô tô thì cột đơn vị tính và thời hạn (tháng) là “#N/A”.	
2	Bắc Giang, cv 3579/TNMT- BVMT ngày 25/10/2022	1. Về quan trắc định kỳ: - Đề nghị kiểm tra, rà soát các phương pháp sử dụng đối với các thông số quan trắc cho phù hợp với Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu chất lượng môi trường. - Đề nghị rà soát các thông số quan trắc cho phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định. 2. Về quan trắc tự động: Nhất trí với dự thảo.	Đã tiếp thu ý kiến và đã kiểm tra, rà soát, cập nhật lại bộ sản phẩm ĐMKT-KT.
3	Bắc Kan, cv 2651/STNMT- MT ngày 19/10/2022	- Cơ bản nhất trí với cấu trúc và nội dung Dự thảo Thông tư ban hành Định mức KTKT hoạt động quan trắc Môi trường. - Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau: + Tại mục 1.1, phần I, sửa cụm từ “Công tác lấy mẫu, quan trắc tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm” thành “Quan trắc tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm”. + Tại Điểm a, mục 5.1.2, phần I, sửa cụm từ “.....trong định mức KT-KT này, nội dung công việc là các thao tác cơ bản, thao tác chính thực hiện bước công việc cho hoạt động quan trắc và phân tích 01 thông số” thành “..... trong định mức KT-KT này, nội dung công việc là các thao tác cơ bản, thao tác chính thực hiện bước công việc cho hoạt động quan trắc và phân tích 01 thông số hoặc một nhóm thông số”.	
4	Bạc Liêu, cv 2467/STNMT-	Thông nhất với nội dung dự thảo.	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	TTQTTN&MT ngày 27/10/2022		
5	Bến Tre 4309/STNMT- QLMT&BĐKH ngày 25/10/2022	1. Phần II. 15. Hoạt động quan trắc môi trường của Trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động liên tục (Hoạt động quan trắc nước mặt của trạm quan trắc tự động cố định liên tục): bổ sung thông số độ muối, mực nước. 2. Về các phụ lục quan trắc của các thành phần môi trường: - Đề xuất rà soát tên các thông số tại các phụ lục quan trắc của các thành phần môi trường thống nhất với Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Ví dụ điển hình, đối với môi trường nước mặt lục địa, đối với chỉ tiêu “Nhiệt độ nước”, Dự thảo Thông tư ghi “Nhiệt độ nước”, còn Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ghi là "Nhiệt độ". 3. Về Phương pháp quan trắc: "Phương pháp quan trắc" trong dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật cho từng thông số chưa đồng bộ với “Số hiệu phương pháp” theo quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTNMT. Ví dụ điển hình: 4309/STNMT-Q LMT&BĐKH ngày 25/10/2022. - Thông số SO₂ trong dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng trên phương pháp TCVN 5971:1995, tuy nhiên Thông tư 10/2021/TT-BTNMT chứng nhận cho các đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với 05 phương pháp (TCVN 5971:1995; TCVN 7726:2007; MASA 704A; MASA 704B; NIOSH 6004). - Nhiệt độ nước trong dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng trên phương pháp SMEWW 2550B:2012, trong khi	+ Thông số độ muối, mực nước không có trong văn bản QPPL của ngành Môi trường (độ muối thuộc Bộ NNPTNT và mực nước do Tổng cục KTTV ban hành). + Đã tiếp thu ý kiến và cập nhật phương pháp thống nhất với Thông tư 10, bổ sung định mức KTKT cho thông số độ muối trong môi trường nước mặt lục địa và nước dưới đất.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		đó, Thông tư 10/2021/TTBTNMT chứng nhận cho phương pháp SMEWW 2550B:2017, ... + Về Độ muối: Do điều kiện đặc thù của tỉnh Bến Tre về việc thực hiện quan trắc chất lượng môi trường tính hàng năm đánh giá khả năng xâm nhập mặn trên các nhánh sông chính, khu vực nuôi trồng thủy sản và khu vực bảo tồn nguồn nước ngọt dưới đất..., để thuận lợi cho việc đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp. Sở Tài nguyên và Môi trường Bến Tre góp ý bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật cho thông số "độ muối" trong môi trường nước mặt lục địa và môi trường nước dưới đất. Nhằm có cơ sở pháp lý để xây đơn giá quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	
6	Bình Định, cv 3033/STNMT- TTQT ngày 27/10/2022	- Đối với Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh: Công tác quan trắc môi trường không khí tại hiện trường chưa thấy đưa nội dung Chi phí vật liệu vào. Do vậy cần phải bổ sung để có cơ sở xây dựng đơn giá về sau. - Phần chi phí nhân công: Rà soát lại các thành phần môi trường cần áp dụng khi ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động quan trắc môi trường. Ví dụ: Tại trang 3 - KK+NM (nhân công) đề nghị điều chỉnh “CHI PHÍ NHÂN CÔNG (Hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh và nước mặt lục địa)” thành “CHI PHÍ NHÂN CÔNG (Hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh)”. - Phần chi phí công cụ, dụng cụ: Một số thông số để trống nên không có cơ sở để tính toán khi xây dựng đơn giá. Ví dụ: Tại	+ Đã tiếp thu ý kiến và bổ sung nội dung Vật liệu; rà soát lại Nhân công; bổ sung thời hạn trong mục Dụng cụ; bổ sung thông số ở mục thiết bị.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		mã hiệu 1KK6, mục giá đỡ thiết bị (cao 1,5m) thông số về thời hạn (tháng) chưa có. - Phần chi phí thiết bị: Một số thông số để trống nên không có cơ sở để tính toán khi xây dựng đơn giá. Ví dụ: Tại mã hiệu 1KK11a, mục thiết bị đo khí tượng thông số về công suất (Kw) chưa có.	
7	Bình Thuận, cv 4419/STNMT-TTQTTNMT ngày 24/10/2022	Thông nhất với nội dung dự thảo.	
8	Bà Rịa - Vũng Tàu	Phòng Quản lý Biển và Hải đảo: thống nhất với nội dung dự thảo.	
		Chi cục Bảo vệ môi trường: thống nhất với nội dung dự thảo.	
		Sở Tài nguyên và Môi trường phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn: thống nhất với nội dung dự thảo.	
		Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: thống nhất với nội dung dự thảo.	
		Sở TNMT, cv 7145/STNMT-KHTC ngày 19/10/2022: - Không khí xung quanh + Phụ lục 2.1 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT có 53 thông số lấy mẫu và đo tại hiện trường, nhưng trong định mức chỉ có 26 thông số. Đề nghị bổ xung thêm đầy đủ thông số theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT, ít nhất có định mức các thông số đặc thù cho các khu vực quan trắc tác động: ví dụ : khu vực bãi rác có thông số CH ₄ ;	+QTHT: Đã tiếp thu ý kiến và rà soát tại bộ sản phẩm ĐMKT-KT. PT PTN: + Mẫu nước: Đã xây dựng định mức cho đầy đủ thông số Kim loại được quy định trong Thông tư 10/2021/TT-BTNMT và các QCVN về chất lượng nước mặt lục địa, nước biển, nước dưới đất, nước

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		Theo QCVN đánh giá đối với thông số bụi PM PM10, PM2.5, bụi Chì theo trung bình 24h. Tuy nhiên định mức chưa tính thông số nhiệt độ, áp suất tương đương 24h để làm căn cứ tính kết quả bụi PM10, PM2.5. - Nước mặt lục địa Một số phương pháp trong định mức chưa cập nhật phiên bản mới hoặc có phương pháp trong định mức không trùng với thông tư 10/2021/TT-BTNMT. Thông tư 10/2021/TT-BTNMT quy định 10 thông số đo tại hiện trường, 61 thông số phân tích tại phòng thí nghiệm, nhưng trong định mức chỉ có 34 thông số. - Nền nước biển, nước thải, nước dưới đất + Một số phương pháp trong định mức chưa cập nhật phiên bản mới hoặc có phương pháp trong định mức không trùng với thông tư 10/2021/TT-BTNMT. + Trong nền nước thải, thông tư 10/2021/TT-BTNMT quy định 7 thông số đo tại hiện trường, 53 thông số phân tích tại phòng thí nghiệm, nhưng trong định mức chỉ có 29 thông số; thiếu những thông số cơ bản đã quy định trong các quy chuẩn áp dụng cho các ngành đặc thù như: Dầu mỡ Động thực vật; tổng hoạt động phóng xạ α, β. Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae,... + Trong nền nước dưới đất, thông tư 10/2021/TT-BTNMT quy định 9 thông số đo tại hiện trường, 63 thông số phân tích tại phòng thí nghiệm, nhưng trong định mức chỉ có 6 thông số đo hiện trường, 53 thông số phân tích tại PTN	thải hiện hành (QCVN 08-MT:2015/BTNMT; QCVN 09-MT:2015/BTNMT; QCVN 10-MT:2015/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT) và các Dự thảo QCVN chuẩn bị ban hành. Đối với các thông số khác, tiếp thu ý kiến, đã rà soát và bổ sung. + Đã tiếp thu ý kiến, cập nhật theo phiên bản mới nhất năm 2017 và bổ sung thông số Dầu mỡ Động thực vật; tổng hoạt động phóng xạ α, β. Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae,...
		Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường: - Trạm Quan trắc tự động liên tục nước:	+ Đã tiếp thu ý kiến và rà soát, bổ sung tại bộ sản phẩm ĐMKT-KT.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		Hiện nay, nhiều thông số quan trắc tự động sử dụng 02 công nghệ (đo quang bằng sensor và thiết bị phân tích tự động online Analyzer). Do đó, đề xuất xem xét rà soát bổ sung 2 phương pháp song song cho một số thông số như amoni, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, T-P,... do các địa phương đã đầu tư và sử dụng 02 công nghệ cho các giai đoạn khác nhau. - Trạm Quan trắc tự động liên tục khí + Hiện tại thông số bụi (PM_{2.5}, PM₁₀, TSP) có 03 công nghệ đo phổ biến là: + Công nghệ tán xạ ánh sáng. + Công nghệ đo beta Ray theo QCVN 05. + Công nghệ TOEM cân rung động. - Trong đó, các hệ thống quan trắc tự động đang sử dụng 02 công nghệ phổ biến là công nghệ tán xạ ánh sáng và beta Ray. Hiện tại, nhiều địa phương sử dụng các phương pháp đo và đầu tư trong các khoảng thời gian khác nhau trước đây, do chưa quy định định mức cho từng loại phương pháp nên địa phương còn gặp nhiều khó khăn trong thanh toán. Vì vậy đề xuất tách riêng 02 công nghệ tán xạ ánh sáng và beta Ray; xây dựng định mức riêng cho từng loại công nghệ cho thông số bụi (PM₁₀, PM_{2.5}, TSP). - Trạm Quan trắc tự động liên tục nước biển	+ Riêng công cụ quan trắc độ ẩm, gió, bức xạ và áp suất của Trạm quan trắc thuộc dạng vi khí hậu nên không thể bổ sung theo tiêu chuẩn của ngành KTTV. + Đối với Kiến nghị Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật về vận hành hệ thống thông tin quan trắc theo Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT không thực hiện do không thuộc văn bản QPPL của ngành Môi trường.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		+ Với đặc thù trạm QTTĐ liên tục nước biển có môi trường ăn mòn mạnh và công tác vận hành hệ thống bơm lấy mẫu gặp nhiều khó khăn hơn so với các trạm QTTĐ nước mặt do làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, đuối nước, ... (thuộc Danh mục nghề, công việc nặng nhọc độc hại đối với ngành Tài nguyên môi trường theo thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH do Bộ LĐTBXH ban hành quy định về danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong đó có ngành Tài nguyên môi trường). Do đó, kiến nghị điều chỉnh các hệ số, định mức tiêu hao cho trạm QTTĐ nước biển như sau: ++ Điều chỉnh tăng định mức công/thông số theo danh mục Danh mục nghề, công việc nặng nhọc độc hại đối với ngành Tài nguyên môi trường theo thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH do Bộ LĐTBXH ban hành quy định về danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trong đó có ngành Tài nguyên môi trường. ++ Điều chỉnh giảm thời hạn sử dụng danh mục dụng cụ/thiết bị hoặc tăng định mức dụng cụ/thiết bị. - Đối với dự thảo Thông tư ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường giai đoạn 2022 – 2025 cho các thành phần môi trường: không khí xung quanh, tiếng ồn và độ rung; nước mặt lục địa; nước dưới đất; nước mưa;	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		nước biển; nước thải; đất; trầm tích; chất thải rắn; bùn thải, khí thải công nghiệp, phóng xạ, trạm quan trắc không khí tự động, liên tục (bổ sung các loại hình trạm sử dụng cảm biến); trạm quan trắc nước mặt tự động, liên tục) + Kiến nghị: Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật về nhập dữ liệu kết quả quan trắc định kỳ theo Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì vận hành hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường. - Đối với và dự thảo Thông tư Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường giai đoạn 2022 -2025 cho các thành phần môi trường: khí thải phương tiện giao thông đường bộ, quan trắc các chất POP trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trạm quan trắc nước biển tự động liên tục (sau đây gọi tắt dự thảo Thông tư trạm quan trắc nước mặt và dự thảo Thông tư trạm quan trắc nước biển) + Kiến nghị: Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật về vận hành hệ thống thông tin quan trắc theo Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT	
		Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường: - Đối với dự thảo Thông tư ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường giai đoạn 2022 – 2025 cho các thành phần môi trường: không khí xung quanh, tiếng	+ Đã tiếp thu ý kiến và rà soát, bổ sung tại bộ sản phẩm ĐMKT-KT. Riêng công cụ quan trắc độ ẩm, gió, bức xạ và áp suất của Trạm quan trắc thuộc dạng vi khí hậu nên

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		ồn và độ rung; nước mặt lục địa; nước dưới đất; nước mưa; nước biển; nước thải; đất; trầm tích; chất thải rắn; bùn thải, khí thải công nghiệp, phóng xạ, trạm quan trắc không khí tự động, liên tục (bổ sung các loại hình trạm sử dụng cảm biến); trạm quan trắc nước mặt tự động, liên tục) + Kiến nghị: Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật về nhập dữ liệu kết quả quan trắc định kỳ theo Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, duy trì vận hành hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường. + Đối với và dự thảo Thông tư Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường giai đoạn 2022 -2025 cho các thành phần môi trường: khí thải phương tiện giao thông đường bộ, quan trắc các chất POP trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị trạm quan trắc nước biển tự động liên tục (sau đây gọi tắt dự thảo Thông tư trạm quan trắc nước mặt và dự thảo Thông tư trạm quan trắc nước biển). + Kiến nghị: Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật về vận hành hệ thống thông tin quan trắc theo Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT.	không thể bổ sung theo tiêu chuẩn của ngành KTTV. + Đối với Kiến nghị Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật về vận hành hệ thống thông tin quan trắc theo Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT không thực hiện do không thuộc văn bản QPPL của ngành Môi trường.
9	Cà Mau, cv 3352/STNMT-KTCNQT ngày 26/10/2022	1. Đối với Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục (Trạm cố định):	+ Đã tiếp thu ý kiến và rà soát, bổ sung tại bộ sản phẩm ĐMKT-KT. + QTHT: Đã tiếp thu ý kiến và đã kiểm tra, rà soát, cập nhật lại bộ sản phẩm ĐMKT-KT.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		- Tại mục 14.1.1.1. Ngoại nghiệp: Kiến nghị bổ sung nội dung hiệu chuẩn các thiết bị vào phần nội dung của công tác chuẩn bị. Lý do, theo Điểm b, Khoản 4, Điều 28 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định: “Thiết bị (trừ thiết bị đo nhiệt độ) phải được kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn theo khuyến cáo của nhà sản xuất nhưng phải bảo đảm tối thiểu 01 tháng/lần bởi đơn vị vận hành trạm;...”. - Tại bảng 14.1.2 Định biên: Mục I - Hoạt động quan trắc không khí của trạm quan trắc tự động cố định liên tục giá trị tại cột định mức ghi “1,200” là chưa chính xác. Đề nghị điều chỉnh giá trị tại cột định mức thành “4,66”. - Tại các bảng 14.2.1 Định mức dụng cụ, bảng 14.2.2 Định mức thiết bị và bảng 14.2.3 Định mức vật liệu: Đề nghị rà soát, điều chỉnh một số nội dung sau: + Thứ tự 2, 3, 4, 5, 6 cột định mức dự thảo ghi “Như mục KK1a” nhưng trong cột mã hiệu không có mục KK1a. Đề nghị điều chỉnh thành “Như mục KKC1a”. + Thứ tự 7, dự thảo ghi “Modul quan trắc Bụi TSP (Giữ nguyên theo TT20)”. Đề nghị nên ghi rõ thành “Modul quan trắc Bụi TSP (Giữ nguyên theo Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017)”. + Thứ tự 9, cột định mức ghi “Như mục KK2b” nhưng trong cột mã hiệu không có mục KK2b. Đề nghị điều chỉnh thành “Như mục KKC2b”. + Thứ tự 10, cột định mức ghi “Như mục KK2a” nhưng trong cột mã hiệu không có mục KK2a. Đề nghị điều chỉnh thành “Như mục KKC2a”.	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		+ Thứ tự 11, ghi “Modul quan trắc khí NO (Giữ nguyên theo TT20)”: Đề nghị nên ghi rõ thành “Modul quan trắc khí NO (Giữ nguyên theo Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017)”. 2. Đối với Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động, liên tục: Tại mục 15.1.1.1. Ngoại nghiệp: Kiến nghị bổ sung nội dung hiệu chuẩn các thiết bị vào phần nội dung của công tác chuẩn bị. Lý do, theo Điểm b, Khoản 4, Điều 28, Chương VI Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định: “Thiết bị (trừ thiết bị đo nhiệt độ) phải được kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn theo khuyến cáo của nhà sản xuất nhưng phải bảo đảm tối thiểu 01 tháng/lần bởi đơn vị vận hành trạm;...”. 3. Đối với Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường của các thành phần môi trường: không khí xung quanh, tiếng ồn và độ rung, nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước mưa, nước biển, nước thải, đất: Qua rà soát, đối chiếu phương pháp sử dụng trong hoạt động quan trắc môi trường của các thành phần môi trường trong dự thảo Thông tư ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường giai đoạn 2022 - 2025 với Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường cho thấy chưa có sự thống nhất. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường Cà Mau kiến nghị rà soát các phương pháp sử dụng trong hoạt động	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		quan trắc môi trường để sau khi ban hành có sự thống nhất giữa hai Thông tư nêu trên. Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cũng đề xuất xây dựng bổ sung Định mức kinh tế - kỹ thuật các thông số quan trắc của các thành phần môi trường nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước mưa, nước biển, nước thải, đất (gửi kèm trong phần Phụ lục thông số quan trắc của các thành phần môi trường đề xuất xây dựng bổ sung của Công văn).	
10	Đà Nẵng, cv 4574/STNMT- TTQTTNMT ngày 21/10/2022	1. Đối với "Hoạt động quan trắc môi trường của Trạm Quan trắc môi trường nước biên tự động liên tục" - Đề nghị chỉnh sửa tại phần I, Mục 17.2.1. Định mức dụng cụ: Hoạt động quan trắc nước mặt của trạm quan trắc tự động cô định liên tục, thành Hoạt động quan trắc nước biên của trạm quan trắc tự động cô định liên tục. 2. Đối với "Tổng hợp các phương pháp sử dụng cho hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh" - Tại Mục C. Hoạt động quan trắc độ rung gia tốc: Đề nghị bỏ điểm 2. Phân tích đồng thời các kim loại. 3. Đối với "Tổng hợp các phương pháp sử dụng cho các hoạt động quan trắc môi trường nước mặt lục địa" - Đề xuất bổ sung thêm thông số Độ muối. 4. Đối với "Tổng hợp các phương pháp sử dụng cho các hoạt động quan trắc nước thải" - Đề nghị bổ sung thêm thông số Cr 3+ và Dầu mỡ động thực vật.	+ Đã tiếp thu ý kiến và rà soát, bổ sung tại bộ sản phẩm ĐMKT-KT. + QTHT: Đã tiếp thu ý kiến, bổ sung thông số độ muối, đồng thời rà soát, thống nhất các thông số của hoạt động nội nghiệp gồm thông số Cr³⁺ và dầu mỡ động thực vật.
11	Đồng Nai, cv 8461/STNMT-	1. Về định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc tại hiện trường: Đối với định mức kinh tế kỹ thuật môi trường không khí xung quanh:	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	CCBVMT ngày 01/11/2022	- Phương pháp thực hiện: Bổ sung phương pháp thực hiện đối với thông số bụi PM10 theo quy định tại Thông tư số 10/2021/BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường, cụ thể: AS/NZS 3580.9.6:2003, trong đó cân sử dụng là cân 4 số thay vì cân 6 số theo phương pháp AS/NZS 3580.9.6:2009 do kinh phí đầu tư rất lớn. - Tại mục Chi phí nhân công: Đề nghị nâng bậc quan trắc viên môi trường (lên bậc 2), cụ thể: tăng định biên từ 1QTVTNMT hạng III.1 thành QTVTNMT hạng III.2 do đây là thông số phải triển khai liên tục trong ít nhất 24 giờ theo quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, nên đòi hỏi người triển khai quan trắc hiện trường phải có nhiều kinh nghiệm. - Chi phí công cụ, dụng cụ: Bổ sung định mức về công cụ, dụng cụ đối với thông số PM10 và PM2.5. - Tiêu đề chi tiết thiết bị: “Hoạt động quan trắc môi trường không khí và nước mặt lục địa” thành “hoạt động quan trắc môi trường không khí”. - Định mức tiêu hao vật liệu tại của Công tác phân tích môi trường không khí trong phòng thí nghiệm - Mã hiệu 2KK4b: Đề nghị xem xét kích thước giấy lọc phù hợp với phương pháp, trong đó đối với thiết bị Sibata sử dụng giấy lọc có kích thước 203*254mm và 126*166mm. 2. Về định mức phân tích tại phòng thí nghiệm: Đề nghị Ban soạn thảo rà soát, bổ sung đầy đủ định mức của các phương pháp được quy định tại Thông tư số 10/2021/BTNMT và xem xét bổ sung các nội dung sau:	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		a) Quan trắc môi trường không khí xung quanh - Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc đối với thông số Benzen, Toluene, Xylen theo phương pháp EPA Method TO-17; As, Mn, Ni, Cd theo phương pháp EPA Method 7300. - Bổ sung dụng cụ phân tích các thông số sau: + SO₂: Buret chuẩn độ. + NH₃: Đèn tungsten, cuvet 1cm. + H₂S: Đèn tungsten, cuvet 5cm. + As: Cuvet thạch anh cho FIAS, màng lọc cho FIAS. - Bổ sung về vật liệu: Bổ sung khí chuẩn CO đối với thông số khí CO. b) Quan trắc môi trường nước mặt - Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc đối với thông số Động vật đáy, Động vật nổi, Thực vật nổi. - Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc đối với các thông số theo phương pháp được quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT như: COD (SMEWW 5220B, C); As (SMEWW 3114B, C); Fe (TCVN 6177: 1996); SO₄²⁻ (SMEWW 4500 SO₄²⁻.E); Cr⁶⁺ (SMEWW 3500Cr.B); Coliform (SMEWW 9221B); E.Coli (SMEWW 9221G); Phenol (TCVN 6216:1996); Kim loại phân tích đồng thời (SMEWW 3120B); Màu (SMEWW 2120C). - Bổ sung dụng cụ phân tích các thông số sau: + TSS: Ống đong 250ml, đĩa nhôm, bình định mức 50ml, bình định mức 100ml, phễu lọc chân không. + BOD: Bình định mức 50ml, bình định mức 100ml. + COD: Pipet 2ml, dispenser.	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		+ NH₄⁺: Bình tam giác 250ml, bình chung cất 250ml. + Florua: Bình cầu 1.000ml, ống sinh hàn, nhiệt kế, bình định mức 50ml, bình định mức 100ml, bình định mức 250ml. + Dầu mỡ: Ống đong 1000ml, bình quả lê. + Coliform, E. Coli: Đèn cồn, que cấy.3 + TOC: Cột hấp thụ CO₂, cột đốt, cột lọc halogen, hạt nhồi cột đốt. + Bảo vệ thực vật Clo, Bảo vệ thực vật Photpho: Bình quả lê, vial, pipet pasteur, micropipet 1ml, bông thủy tinh, quả bóp cao su. + Màu: Phễu lọc chân không, cuvet 5cm. - Bổ sung vật liệu phân tích các thông số sau: + TSS: Dung dịch chuẩn 1.000ppm, giấy lọc sợi thủy tinh. + NH₄⁺: MgO. + NO₂⁻: Dung dịch chuẩn gốc NO₂- 1.000ppm. + NO₃⁻, tổng nitơ: Dung dịch chuẩn gốc NO₃- 1.000ppm. + Hg: NaBH₄. + Florua: Dung dịch chuẩn gốc Florua 1000ppm. + Màu: Dung dịch chuẩn gốc độ màu 1.000ppm, giấy lọc sợi 0,45µm. + TOC: Không khí khô. - Bổ sung thiết bị phân tích các thông số sau: + NH₄⁺: Hệ thống chung cất. + Florua: Bếp đun bình cầu có khuấy từ. + TOC: Thiết bị phân tích TOC. c) Quan trắc môi trường nước dưới đất - Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc đối với các thông số theo phương pháp được quy định tại Thông	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		tư số 10/2021/TT-BTNMT như: Độ cứng (SMEWW 2340C); As, Se (SMEWW 3114B, C); Fe (TCVN 6177: 1996); SO42- (SMEWW 4500 SO42-.E); Coliform (SMEWW 9221B); E.Coli (SMEWW 9221G); Màu (SMEWW 2120C); Phenol (TCVN 6216:1996); Kim loại phân tích đồng thời (SMEWW 3120B). - Bổ sung dụng cụ phân tích các thông số sau: + TSS: Đĩa nhôm, bình định mức 50ml, 100ml, 250ml. + NH4+: Bình tam giác 250ml, bình chưng cất 250ml. + Florua: Bình cầu 1.000ml, ống sinh hàn, nhiệt kế, bình định mức 50ml, 100ml. + Dầu mỡ: Ống đong 1.000ml, bình quả lê. + Bảo vệ thực vật Clo, Bảo vệ thực vật Photpho: Bình quả lê, vial. - Bổ sung vật liệu phân tích các thông số sau:4 + TSS: Dung dịch chuẩn 1.000ppm, giấy lọc sợi thủy tinh. + NO2-: Dung dịch chuẩn gốc NO2- 1.000ppm. + NO3-, tổng nitơ: Dung dịch chuẩn gốc NO3- 1000ppm. + PO43-: dung dịch chuẩn gốc PO43- 1.000ppm. + Florua: dung dịch chuẩn gốc Florua 1.000ppm. + Màu: Dung dịch chuẩn gốc độ màu 1.000ppm, giấy lọc sợi 0,45µm. d) Quan trắc khí thải: Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc thông số H2S theo phương pháp JIS K 0108:2010. e) Quan trắc nước thải - Bổ sung định mức định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc các thông số theo phương pháp được quy định tại	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT như: Màu (SMEWW 2120C); SO42- (SMEWW 4500 SO42-.E); Coliform (SMEWW 9221B); E.Coli (SMEWW 9221G); Fe (TCVN 6177: 1996); Phenol (TCVN 6216:1996); Kim loại phân tích đồng thời (SMEWW 3120B). - Bổ sung dụng cụ phân tích các thông số sau: + Màu: Đĩa nhôm. + TSS: Ống đong 250ml. + Tổng dầu mỡ khoáng: Ống đong 1.000ml, bình quả lê. + Xyanua: Ống đong 250ml, bình tam giác 250ml. + Florua: bình cầu 1.000ml, ống sinh hàn, nhiệt kế, bình định mức 50ml, bình định mức 100ml, bình định mức 250ml. + Phenol: Ống đong 500ml, 1000ml. - Bổ sung vật liệu phân tích các thông số sau: + TSS: Dung dịch chuẩn 1.000ppm, giấy lọc sợi thủy tinh. + Tổng nitơ: Dung dịch chuẩn gốc NO3- 1.000ppm. + PO43-: Dung dịch chuẩn gốc PO43- 1.000ppm. + Florua: Dung dịch chuẩn gốc Florua 1.000ppm. + Chất hoạt động bề mặt: Dung dịch chuẩn gốc 1.000ppm. + Màu: Dung dịch chuẩn gốc độ màu 1.000ppm. - Bổ sung thiết bị phân tích các thông số sau: + Florua: Bếp đun bình cầu có khuấy từ.5 + Màu: Thiết bị lọc hút chân không, bơm chân không. f) Quan trắc chất thải: Đối với phương pháp phân tích ngâm chiết, bổ sung dụng cụ bình chiết TCLP 2 lít cho tất cả các thông số.	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		Bổ sung vật liệu phân tích: Tăng định mức Axit acetic là 11,4ml, giấy lọc sợi thủy tinh là 0,01 hộp cho tất cả các thông số. g) Quan trắc bùn thải - Bổ sung định mức thông số Độ ẩm hoặc tỉ số T. - Chỉnh sửa phương pháp thông số Dầu mỡ gồm: + Phương pháp tuyệt đối: EPA 9071B; + Phương pháp ngâm chiết: EPA 1311 + SMEWW 5520B/ EPA 1664. - Dụng cụ: Bổ sung bình chiết TCLP 2 lít cho tất cả các thông số. - Vật liệu: Tăng định mức Axit acetic là 11,4ml, giấy lọc sợi thủy tinh là 0,01 hộp cho tất cả các thông số. 2. Định mức hoạt động quan trắc môi trường tự động a) Hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường không khí tự động liên tục (trạm cố định). - Về công tác ngoại nghiệp: Đề nghị nêu rõ định mức kinh tế - kỹ thuật theo dự thảo chưa bao gồm công việc kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra bằng chất chuẩn định kỳ tối thiểu 01 tháng/ lần theo quy định tại khoản 4, Điều 32 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. - Bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc đối với cho các thông số: Modul quan trắc CxHy (CH4), Modul quan trắc CxHy (NMHC). - Về định mức dụng cụ: Bỏ áo phao. - Về định mức vật liệu đối với thông số Bụi TSP, khí NO: Trong dự thảo ghi giữ nguyên theo Thông tư số 20/2017/TT-	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		BTNMT, đề nghị rà soát lại vì theo Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT quy định một số định mức vật liệu bằng 0m, cụ thể: + Bụi TSP: Định mức bơm mẫu, bơm khô, silicon đều bằng 0. + NO: Định mức F-packing; Bộ màng ngăn (Diaphragm assembly), Bộ khử ozôn (DO Unit), Đèn tử ngoại (UV Lamp Unit), Lớp lót UV (UV Liner), Bộ làm khô thẩm thấu (Capillary PPD), Ống chuyển đổi (Catalyzer Pipe), Bơm (230V) (Pump Unit), SV unit, LCD unit, Scrubber MIX cho APNA 370 (0,5kg), Thùng đựng và bảo quản silicagel, Scrubber MIX đều bằng 0.6 b) Hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động liên tục - Về công tác ngoại nghiệp: Đề nghị nêu rõ định mức kinh tế - kỹ thuật theo dự thảo chưa bao gồm công việc kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra bằng chất chuẩn định kỳ tối thiểu 01 tháng/ lần theo quy định tại khoản 4, Điều 28 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. - Bổ sung định mức dụng cụ: + Dung dịch cầu muối chỉ sử dụng cho đầu đo pH (hoặc nhiệt độ tích hợp đầu đo pH), các thông số còn lại không sử dụng. - Bổ sung định mức vật liệu: + pH: Bổ sung dung dịch chuẩn pH 7. + Độ dẫn điện (EC): Nếu giữ nồng độ dung dịch chuẩn, đề nghị ghi đúng là 84 $\mu\text{S/cm}$, 1413 $\mu\text{S/cm}$, 12 880 $\mu\text{S/cm}$. + Tổng P: Theo dự thảo ghi như mục NMC8 là chưa hợp lý vì NMC8 là tổng N.	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		+ Các thông số còn lại: Đề nghị các dung dịch chuẩn ghi là 3 điểm trong khoảng đo của thiết bị, vì quy chuẩn môi trường của nước mặt với các hàm lượng thấp nên phạm vi đo của thiết bị trạm nước mặt cũng thấp. Nếu quy định nồng độ dung dịch chuẩn cao sẽ có lúc không phù hợp với thiết bị.	
12	Hà Giang, 3145/STNMT- CCBVMT ngày 21/10/2022	1. Đối với các thông số có sử dụng phương pháp của Standard Methods for the Examination of Water and Waste Water (SMEWW), đề nghị cập nhật theo phiên bản mới nhất (năm 2017) đã được cơ quan này phát hành. 2. Đối với môi trường nước thải, đề nghị bổ sung các thông số và Phương pháp phân tích sau: Phương pháp phân tích sau: +) Dầu mỡ động thực vật: SMEWW 5520B,F:2017, QCVN 28:2010/BTNMT. +) Dioxin: EPA Method 8280B; EPA Method 8290A và EPA method 1613. QCVN 12:2015/BTNMT. +) Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX): TCVN 6493:2008. QCVN 12:2015/BTNMT. +) Salmonella; Shigella; Vibrio cholerae: SMEWW 9260. QCVN 28:2010/BTNMT. 3. Bộ Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện soạn thảo và lấy ý kiến về dự thảo Quy chuẩn Quốc gia về nước thải công nghiệp với nhiều thay đổi, trong đó bổ sung nhiều thông số quan trắc mới, đề nghị Thông tư cần bổ sung định mức kinh	+ Đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa bộ sản phẩm ĐMKT-KT + QTHT: Đã tiếp thu ý kiến, rà soát, bổ sung tối đa các thông số theo QCVN và Thông tư 10. + PTPTN: Đã tiếp thu ý kiến, cập nhật phương pháp theo phiên bản mới nhất; bổ sung phương pháp tiêu chuẩn với thông số Dioxin, Dầu mỡ động thực vật, Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX), Salmonella; Shigella; Vibrio cholerae tại Dự thảo ĐMKT-KT nền mẫu nước thải.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		tế kỹ thuật cho các thông số quan trắc tương đương để đảm bảo có sự thống nhất trong quá trình thực hiện.	
13	Hậu Giang, cv 2394/STNMT- CCBVMT ngày 27/10/2022	Thống nhất với nội dung dự thảo.	
14	Kon Tum, cv 3081/STNMT- MT ngày 24/10/2022	Sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo Thông tư ban hành Định mức KTKT hoạt động quan trắc môi trường giai đoạn 2022-2025 cho các thành phần môi trường: không khí xung quanh, tiếng ồn và độ rung; nước mặt lục địa; nước dưới đất; nước mưa; nước biển; nước thải; đất; trầm tích; chất thải rắn; bùn thải; khí thải công nghiệp; phóng xạ; trạm quan trắc không khí tự động, liên tục (<i>bổ sung loại hình trạm sử dụng cảm biến</i>); trạm quan trắc nước mặt tự động, liên tục. Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum thống nhất với nội dung Dự thảo.	
15	Lai Châu, cv 2489/STNMT- MTK ngày 21/10/2022	Thống nhất với nội dung dự thảo.	
16	Lào Cai, cv 2845/STNMT- MT ngày 25/10/2022	1. Danh mục dụng cụ, thiết bị, vật tư trong thông tư đã bám sát theo phương pháp quan trắc và phân tích đã quy định theo từng nền môi trường. Tuy nhiên một số phương pháp trong dự thảo thông tư đang áp dụng để xây dựng định mức đã lỗi thời, danh mục dụng cụ, thiết bị, vật tư còn thiếu so với phương pháp. Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định chi tiết về kỹ thuật quan trắc, phân tích, các phương pháp đã được cập nhật theo phiên bản mới.	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		Do đó, định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường cần xây dựng theo các phương pháp, tên gọi thông số đã được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. 2. Xem xét thống nhất lại định mức của một số thông số đo nhanh tại hiện trường, phân tích trong phòng thí nghiệm của môi trường nước, như: nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước thải, nước mưa. Hiện nay, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Lào Cai đang sử dụng phương pháp quan trắc và phân tích giống nhau. Vì vậy, danh mục dụng cụ, thiết bị, vật tư, định mức sẽ phải tương đương nhau, trừ một số dụng cụ đặc trưng cho việc quan trắc như: áo phao, ủng, đèn pin... 3. Bổ sung về dụng cụ, vật tư cho một số thông số cần phải loại bỏ yếu tố cản trở hoặc xử lý mẫu ngay tại hiện trường, như: pipet; quả bóp cao su; giấy lọc; giấy thử pH; hóa chất xử lý mẫu... - Chuyển tất cả mục “đầu cone 5ml”, “đầu cone 1ml” trong định mức tiêu hao vật liệu phần định mức dụng cụ lao động. Tránh bị trùng lặp ở cả 2 phần; - Ví dụ như thông số Cr6+ môi trường nước mặt lục địa TCVN 6658:2000 cần phải sử dụng các dung dịch để xử lý mẫu và lọc mẫu tại hiện trường như: dung dịch đệm, giấy thử pH, màng lọc mẫu,... 4. Điều chỉnh lại định mức cho một số thông số sử dụng vật tư, hóa chất cả ngoài hiện trường và trong phòng thí nghiệm để làm mẫu đối chứng và mẫu trắng như: giấy lọc bụi, dung dịch hấp thụ khí (Dùng cho lấy mẫu hiện trường và mẫu trắng trong phòng thí nghiệm, dụng cụ chuẩn)... Mã hiệu một số thông số trong quan trắc không khí xung quanh đang trùng	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		lắp mã hiệu. Một số hóa chất trong vật liệu định mức lắp lại trong cùng 1 thông số. - Ví dụ như Thông số Bụi (TSP) môi trường không khí xung quanh: Mỗi lô mẫu phải kèm thêm 01 cái lọc đối chứng, như vậy để lấy 01 mẫu thông số Bụi (TSP) cần 02 cái lọc bụi, tuy nhiên trong dự thảo thông tư cho định mức giấy lọc bụi là 01 tờ 5. Định mức trong quan trắc khí thải: Bổ sung dụng cụ, thiết bị cho quan trắc hiện trường như: chai đựng hóa chất, ổ cắm điện, dây điện đôi, dây đai bảo hiểm, máy tính laptop xử lý số liệu, cân điện tử... Điều chỉnh lại phương pháp xác định Khối lượng mol phân tử khí khô theo US EPA Method 3; Xác định Hàm ẩm theo US EPA Method 4. 6. Xem xét bỏ định mức áo blue và áo phao trong danh mục dụng cụ của trạm quan trắc không khí xung quanh cố định mà thay vào đó là quần áo bảo hộ lao động và mũ cứng. 7. Bổ sung thêm định mức kinh tế cho các thông số: - Photphat cho quan trắc nước mưa; - Modul quan trắc lượng mưa; Modul quan trắc cường độ ánh sáng cho trạm quan trắc không khí xung quanh tự động.	
17	Nam Định, cv 3390/STNMT-TTQT ngày 20/10/2022	1. Về bố cục, cấu trúc dự thảo: Sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định nhất trí với dự thảo Thông tư. 2. Về nội dung: Đối với dự thảo Thông tư, Sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định đề nghị chỉnh sửa, bổ sung và rà soát lại những nội dung sau: 2.1. Đối với quan trắc định kỳ: Tất cả các môi trường trong định mức đều chưa phủ hết các thông số quy định trong QCVN và trong Thông tư 10/BTNMT đề nghị bổ sung thêm.	- Đối với quan trắc định kỳ + Quan trắc môi trường không khí xung quanh: Đã rà soát lại đơn vị tính ở mục Vật liệu. Ngoài ra, căn cứ vào QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT và Thông tư 10/2021/TT-BTNMT về chất lượng không khí xung quanh, nhóm soạn thảo đã xây dựng định mức cho các thông số kim loại theo phương pháp phân tích đơn

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		2.1.1. Quan trắc môi trường không khí xung quanh: Các thông số kim loại trong định mức chỉ đề cập đến phân tích đồng thời mà chưa đề cập đến phương pháp phân tích đơn chất. Đề nghị rà soát lại cho phù hợp với các đơn vị. Định mức chưa đề cập đến khí Clo, Bụi Amiăng và các thông số hữu cơ..... Đề nghị rà soát lại và đưa ra các định mức cho từng thông số trong QCVN và Thông tư đã ban hành. - Phương pháp sử dụng: nên cập nhật các phương pháp theo quy định thông tư 10/2021/TT-BTNMT theo đó định mức KTKT cũng theo các phương pháp này, cụ thể: + Thông số PM10, PM2.5 phương pháp đưa ra là AS/NZS 3580.9.7:2009 tuy nhiên đơn vị chúng tôi được cấp phép theo phương pháp 40 CFR part 50 method appendix J, L. + Tương tự các thông số VOCs....: bổ sung thêm thông số và phương pháp quan trắc sử dụng. - Chi phí công cụ, dụng cụ: mục A1 công tác quan trắc môi trường không khí tại hiện trường (1KK): + Quần áo BHLĐ và giày BHLĐ chỉ nên đề định mức là 6 tháng + Găng tay y tế: đề đơn vị tính là “hộp” thay cho “đôi”. - Định mức về nhân công đang tính theo hạng QTV, vậy các đơn vị tự chủ hay các đơn vị khác nhân công chưa có chứng nhận QTV thì tính như thế nào. Mặc dù nhân công đáp ứng về nhân sự của điều 91: Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của NĐ 08/2022/NĐ-CP. 2.1.2. Quan trắc môi trường nước mặt lục địa:	chất được quy định gồm: Pb, As, Cd, Mn, Ni, Hg tại bộ Dự thảo ĐMKT-KT mới. + Đối với khí Clo (Cl₂): Phương pháp quy định trong TT10/2021/TT-BTNMT (MASA-202) không phù hợp để áp dụng xây dựng định mức do giới hạn phương pháp từ 145-290µg/m³ cao hơn ngưỡng quy định trong QCVN 06:2009/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh (100µg/m³). +) Đối với thông số PM10, PM2.5: dụng cụ, vật liệu, thiết bị giữa 2 phương pháp AS/NZS 3580.9.7:2009 và 40 CFR part 50 method appendix J, L tương đương nhau nên nhóm soạn thảo đã rà soát và kế thừa từ Thông tư 20/2017/TT-BTNMT. ++ Thông số VOCs nhóm soạn thảo lựa chọn phương pháp đại diện ở mức trung bình tiên tiến để xây dựng định mức phù hợp với thông tư và các dự thảo quy chuẩn mới. - Đối với quan trắc tự động: Đã tiếp thu ý kiến và rà soát, bổ sung tại bộ sản phẩm ĐMKT-KT.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		- Phương pháp sử dụng: cập nhật các phương pháp mới theo quy định thông tư 10/2021/TT-BTNMT, cụ thể: các thông số đo nhanh của nước như nhiệt độ, ORP, TDS, EC... phương pháp SMEWW năm 2012 thay bằng năm 2017. - Chi phí vật liệu: mục D1 công tác quan trắc môi trường nước mặt lục địa tại hiện trường (1NM): + Dung dịch chuẩn: chỉ nên đưa chung là dung dịch chuẩn, không nên đưa ra nồng độ cụ thể. + Thông số Tổng N và Tổng P: bổ sung thêm hóa chất bảo quản... 2.2. Đối với quan trắc tự động Định mức về nhân công đang tính theo hạng QTV, vậy các đơn vị tự chủ hay các đơn vị khác nhân công chưa có chứng nhận QTV thì tính như thế nào. Mặc dù nhân công đáp ứng về nhân sự của điều 91: Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của NĐ 08/2022/NĐ-CP. Với hệ thống vận hành trạm onlie cần rất nhiều đến công nghệ thông tin, đề xuất bổ sung nhân công có cả bằng công nghệ thông tin. 2.2.1. Trạm khí xung quanh Xem lại định mức chỉ đề cập đến khí NOx mà trong QCVN 05:2013/BTNMT cụ thể NO2 2.2.2 Trạm nước mặt, nước biển Trạm quan trắc có chỉ tiêu P, Crom... nhưng trong QCVN lại không có? Đề nghị rà soát cho đồng bộ.	
18	Ninh Bình, cv 2761/STNMT-	1. Rà soát, cập nhật các phương pháp sử dụng cho hoạt động quan trắc môi trường cho các thành phần môi trường.	Đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa bộ sản phẩm ĐMKT-KT.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
	TTQT ngày 26/10/2022	2. Bổ sung thêm một số các công cụ, dụng cụ nhỏ lẻ (ủng, kính bảo hộ lao động, áo phao trong quan trắc nước mặt lục địa tại hiện trường,...) và vật liệu vụn vặt trong các phần tính định mức công vụ, dụng cụ và tiêu hao vật liệu.	
19	Ninh Thuận, cv 4842/STNMT-TTQT ngày 21/10/2022	- Đối với phương pháp quan trắc các thông số tại các bảng tổng hợp phương pháp sử dụng cho hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt, nước dưới đất, nước biển, nước thải: Đề nghị bổ sung một số phương pháp quan trắc ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm đã được quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường để tính định mức KTKT hoạt động quan trắc môi trường (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo). Đồng thời, cập nhật các phương pháp quan trắc các thông số theo SMEWW 2017 (Stand Method Enviroment Water Wates phiên bản năm 2017 đã thay thế phiên bản năm 2012) cho phù hợp với hướng dẫn tại các phụ lục quan trắc các thành phần môi trường theo Thông tư số 10/2021/TT-BTMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa bộ sản phẩm ĐMKT-KT.
20	Sơn La, cv 3903/STNMT-QLMT ngày 24/10/2022	- Đề nghị rà soát các thông số xây dựng định mức KTKT đảm bảo phù hợp, thống nhất với các thông số trong QCVN tương ứng. VD: Đối với môi trường nước mặt, trong dự thảo Thông tư quy định thông số Thuộc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ/Photpho hữu cơ, quy nhiên trong QCVN 08-	QTHT: Quy trình lấy mẫu nước theo TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-3:2016 trong đó đối với các thông số khác nhau có yêu cầu lấy mẫu khác nhau nên định mức chi phí nhân công quan trắc hiện trường xác định với từng thông số. PTPTN: Đã ghi chú (dấu *) đối với các cấu tử có thể xây dựng đơn giá cho nhóm thông số Thuộc

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		MT:2015/BTNMT lại chỉ quy định các thông số như Aldrin, BHC, Dieldrin,... - Đối với một số thông số môi trường nước mặt, nước dưới đất, nước thải, quan trắc viên chỉ thực hiện lấy mẫu và bảo quản mẫu 01 lần (có dụng cụ, hóa chất bảo quản phù hợp) và sử dụng để phân tích đối với nhiều thông số, tuy nhiên định mức chi phí nhân công quan trắc hiện trường trong dự thảo lại xác định cho từng thông số, đề nghị nghiên cứu cho phù hợp với thực tế.	bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ/Photpho hữu cơ tại mục Phương pháp. Đã chỉnh sửa lỗi biên tập.
21	Thái Nguyên, cv 4038/STNMT- BVMT ngày 28/10/2022	Thông nhất với nội dung dự thảo.	
22	Trà Vinh, cv 3236/STNMT- QLMT ngày 27/10/2022	- Mục 3. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đề nghị bổ sung Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường. - Tại mục 2. Đối tượng áp dụng có nêu: “Các tỉnh, thành phố đặt hàng, giao nhiệm vụ quan trắc môi trường cho các đơn vị quan trắc môi trường sử dụng Ngân sách Địa phương có thể sử dụng định mức KTKT hoạt động quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành làm căn cứ ban hành đơn giá tại địa phương”, trong trường hợp trạm quan trắc tự động, liên tục được đầu tư từ ngân sách nhà nước, hàng năm đặt hàng đơn vị thực hiện vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thì khi xây dựng đơn giá, đối với các dụng cụ, thiết bị thuộc hạng mục đầu tư của dự án ban đầu có được thống kê để cấu thành đơn giá không? Đề nghị tổ soạn thảo nghiên cứu bổ	+ Đã tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa bộ sản phẩm ĐMKT-KT. + Việc xây dựng Định mức KTKT theo phương pháp Trung bình trung tiên tiến do đó đơn vị không đủ điều kiện và căn cứ để xây cho phương pháp đa chi tiêu.

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		sung hướng dẫn rõ hơn về việc sử dụng định mức KTKT tại địa phương đối với trạm quan trắc tự động, liên tục được đầu tư từ ngân sách nhà nước. - Phần I: Quy định chung, Mục 6: Quy định khác: Đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm mục: 6.3. Định mức này áp dụng chung cho các phương pháp đo, phân tích và phương tiện đo có tính chất và kỹ thuật tương đương. - Dự thảo ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT Hoạt động quan trắc môi trường giai đoạn 2022 - 2025 cho các thành phần môi trường: không khí xung quanh, tiếng ồn và độ rung; nước mặt lục địa; nước dưới đất; nước mưa; nước biển; nước thải; đất; trầm tích; chất thải rắn; bùn thải, khí thải công nghiệp, phóng xạ, trạm quan trắc không khí tự động, liên tục (bổ sung loại hình trạm sử dụng cảm biến); trạm quan trắc nước mặt tự động, liên tục): tại khoản a, điểm 5.1.2 đề nghị chỉnh sửa thành: “Nội dung công việc: trong định mức KT-KT này, nội dung công việc là các thao tác cơ bản, thao tác chính thực hiện bước công việc cho hoạt động quan trắc và phân tích 01 thông số/mẫu”. - Phần II.14 Hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường không khí tự động liên tục (trạm cố định). Bổ sung thêm định mức kỹ thuật: + Xây dựng định mức cho kỹ thuật đo đa điểm đối với các thông số NO₂, SO₂, O₃ (do hiện chỉ có định mức cho đo đơn điểm); + Xây dựng định mức cho thiết bị đo đơn thông số và đa thông số. - Đối với trạm quan trắc nước mặt tự động, cố định, liên tục:	

STT	Đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình
		+ Đề nghị bổ sung thông số PO43- cho phù hợp với Bảng 1 thuộc khoản 1 Điều 27 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT (Bổ sung vào mục I của các bảng tại mục 15.1.2, 15.2.1, 15.2.2, 15.2.3). + Đề nghị bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục; khí thải tự động, liên tục	